

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/DS-ST

Ngày 28-12-2020

V/v “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do
tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Hoài Nhơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tham gia phiên tòa:
ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự;

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã N, tỉnh B

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1967

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã N, tỉnh B.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1970; Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã N, tỉnh B .

(Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2019, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Ngày 09/11/2018 vợ chồng bà có xây dựng tường rào trên thửa đất số 231, tờ bản đồ 12 tại khu phố A, phường H, thị xã N, tỉnh B được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị Đ (mẹ chồng bà T), khoảng 15 giờ cùng ngày ông Phạm Văn K đã ngang nhiên đến đập phá gây hư hỏng tài sản của vợ chồng bà gồm: 03 lớp đá móng, 02 lớp đá tường rào, 03 cây trụ (mỗi cây dài 2,2m tính móng lên là 0,6m) của đoạn tường rào dài 7m, phần còn lại của tường rào dài 21m bị rên nứt. Sự việc đã được Công an phường Hoài Thanh lập biên bản giải quyết ngày 07/01/2019, ông K đồng ý khắc phục hậu quả nhưng sau đó không thực hiện. Do đó, bà T yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại tài sản cho vợ chồng bà theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định tổng số tiền là 1.438.769đ (một triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn K trình bày: Trước đây ông có hiến một phần thửa đất của gia đình ông để làm đường đi chung cho người dân nhưng vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn N đã xây dựng tường rào lấn qua đất đường đi làm ảnh hưởng đến việc đi lại của người dân địa phương, ông đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng bà T vẫn tiến hành xây dựng tường rào, vì quá bức xúc nên khoảng 15 giờ ngày 09/11/2018 ông có đập phá một đoạn tường rào của vợ chồng bà T, ông N. Ông K thừa nhận hành vi của ông là sai nên ông thống nhất bồi thường thiệt hại tài sản cho vợ chồng bà T, ông N theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định.

Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 09/11/2018 vợ chồng ông có xây dựng tường rào trên thửa đất số 231, tờ bản đồ 12 tại khu phố A, phường H, thị xã N, tỉnh B, đến khoảng 15 giờ cùng ngày ông Phạm Văn K đã ngang nhiên đến đập phá làm hư hỏng một đoạn tường rào của vợ chồng ông. Nay ông thống nhất với yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 170, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T, buộc ông Phạm Văn K phải bồi thường cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Nguyễn Văn N số tiền 1.438.769đ (Một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá tài sản: Ông Phạm Văn K phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, thị xã N, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Phạm Văn K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã N tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn K.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại tài sản: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 09/11/2018 vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng T xây dựng tường rào trên thửa đất số 213, tờ bản đồ số 12 tại khu phố A, phường H, thị xã N, tỉnh B được Ủy ban nhân dân thị xã H N giao quyền sử dụng cho hộ bà Trần Thị Đ (mẹ chồng của bà T) thì ông Phạm Văn K đã đến đập phá tài sản của vợ chồng bà T, ông N gồm đoạn tường rào xây bằng gạch táp lô dài 7,4m và 03 cây trụ theo biên bản định giá tài sản ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tổng cộng là 1.438.769đ (Một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng). Bà T yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại tài sản cho vợ chồng bà theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định. Ông Phạm Văn K đã thừa nhận hành vi đập phá đoạn tường rào của vợ chồng bà T, ông N là sai và đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của vợ chồng bà T, ông N. Như vậy, ông K đã thừa nhận lỗi hoàn toàn thuộc về mình. Do đó, việc bà T yêu cầu ông K phải bồi thường thiệt hại tài sản là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 584 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Từ những cơ sở trên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 170, 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật dân sự, xét buộc ông Phạm Văn K phải có trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng bà T, ông N số tiền 1.438.769đ (Một triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng) là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N phù hợp với nhận định trên nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Hoàn trả cho bà T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai bà T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N (nay là thị xã N).

[5] Về chi phí xem xét, định giá tài sản: Ông Phạm Văn K phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T đã nộp tạm ứng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền xem xét, định giá tài sản, nên ông K phải nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 170, 584, 585, 586, 588, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T. Buộc ông Phạm Văn K bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng T, ông Nguyễn Văn N số tiền 1.438.769đ (Một triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả cho bà T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai số 0005298 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N (nay là thị xã N).

3. Về chi phí xem xét, định giá tài sản: Ông Phạm Văn K phải chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền xem xét, định giá tài sản, nên ông K phải nộp số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Bích

